CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam

Ngày 30/06/2025	31,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.8%	**6.9%**	**-0.7%**

DT thuần
Q2/25
1,678
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 121| 7.8%
YoY: ▲ 66.0| 4.1%

LN thuần
Q2/25
39.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.80| 13.7%
YoY: ▲ 0.20| 0.5%

LN sau thuế
Q2/25
35.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.10| 21.0%
YoY: ▲ 1.70| 5.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
2.7%
YoY: +/-▲ 0.1%

ROE (TTM)
Q2/25
12.1%
YoY: +/-▲ 0.5%

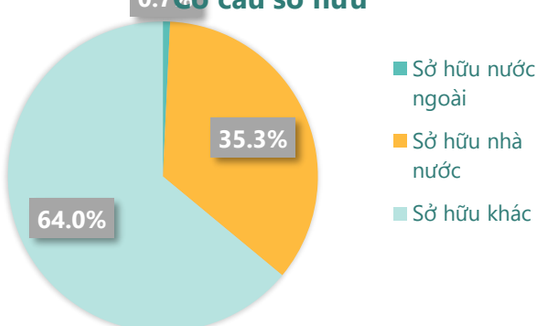
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	27,392 - 33,771
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,555
Số lượng CPLH (CP)	49,998,794
KLGD BQ 20 phiên (CP)	640
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	(0.03)
EPS	2,368
P/E	13.1

DT thuần
6T 2025
3,235
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 148| 4.8%

LN thuần
6T 2025
74.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.30| 1.8%

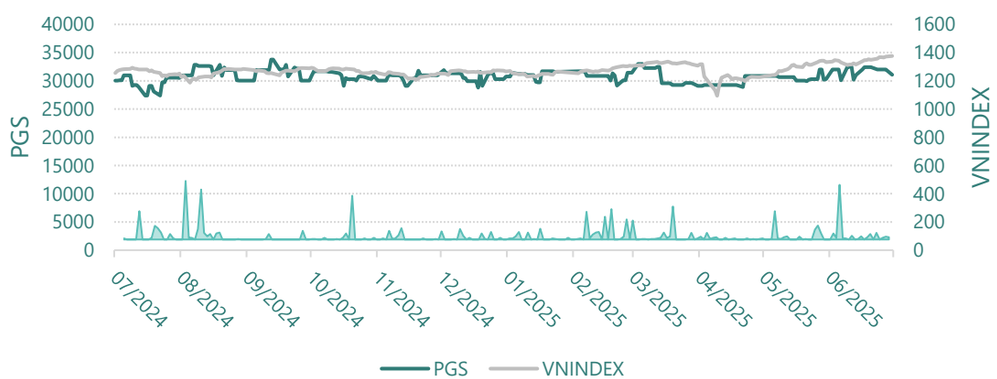
LN sau thuế
6T 2025
64.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.50| 3.9%

Cơ cấu sở hữu

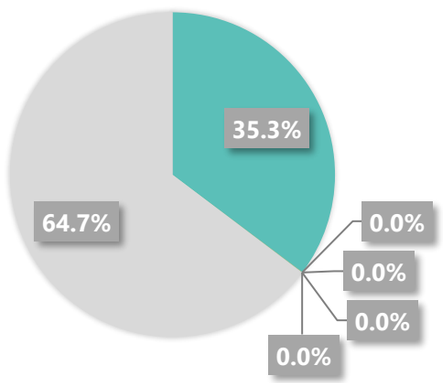


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

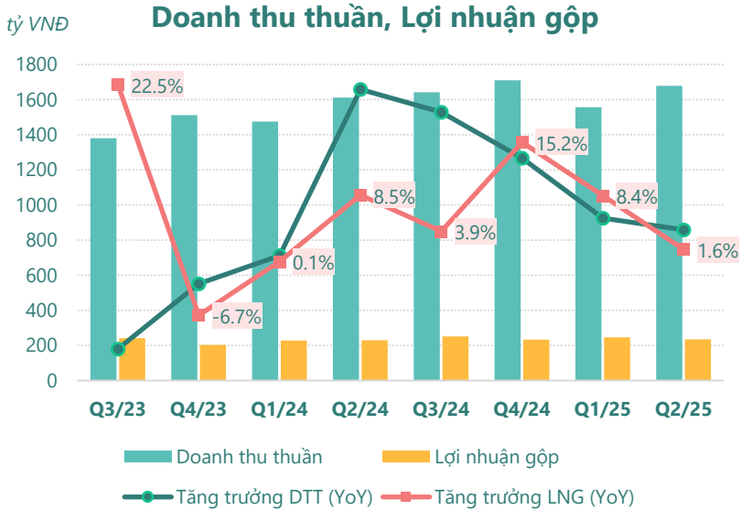


- Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP
- Nguyễn Thục Quyên
- Lê Thị Thảo
- CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam
- Phan Quốc Nghĩa (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

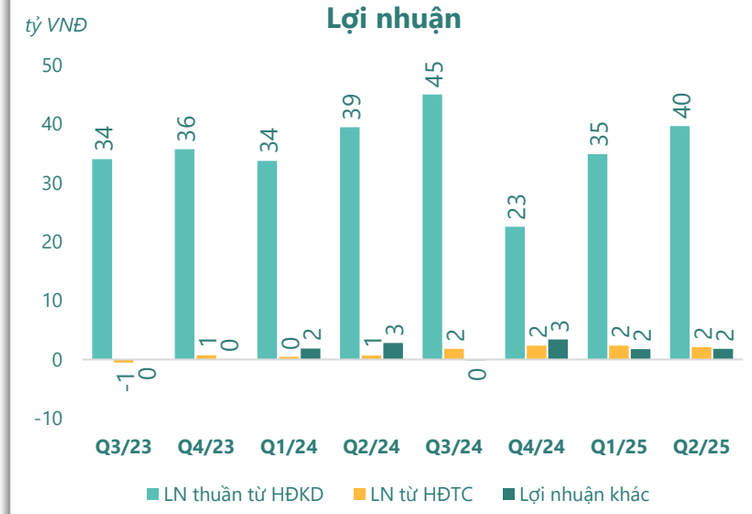
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



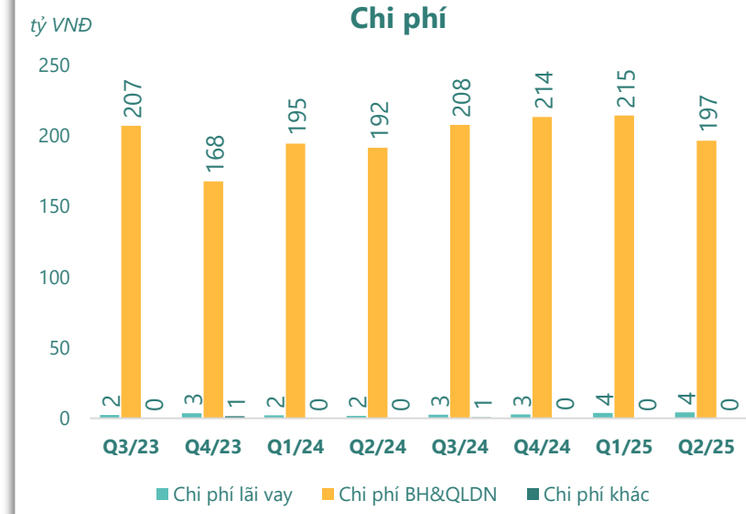
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



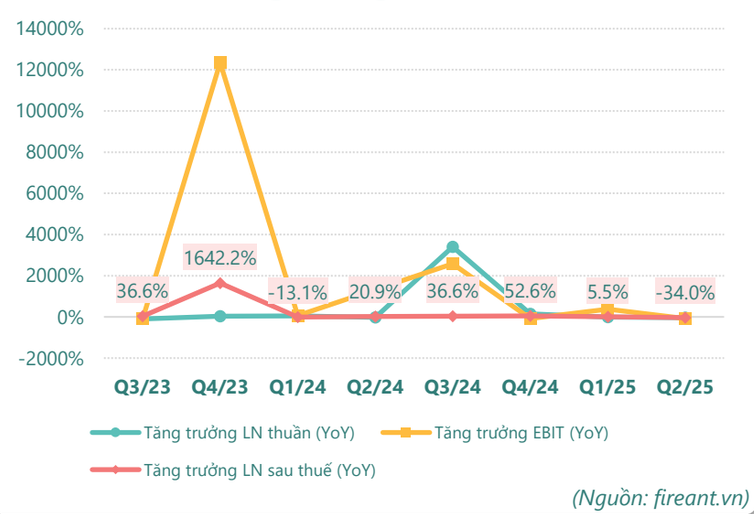
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



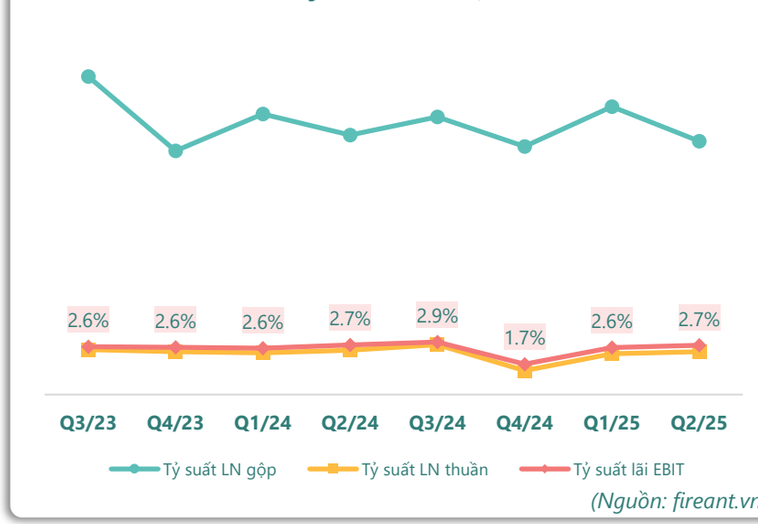
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



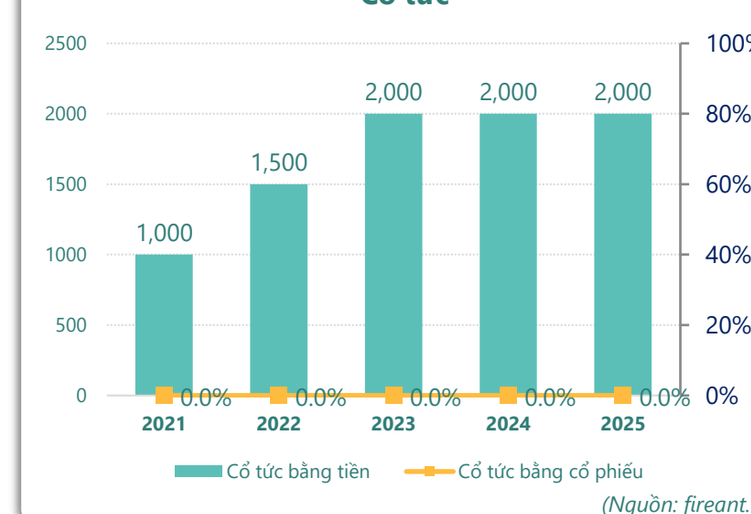
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

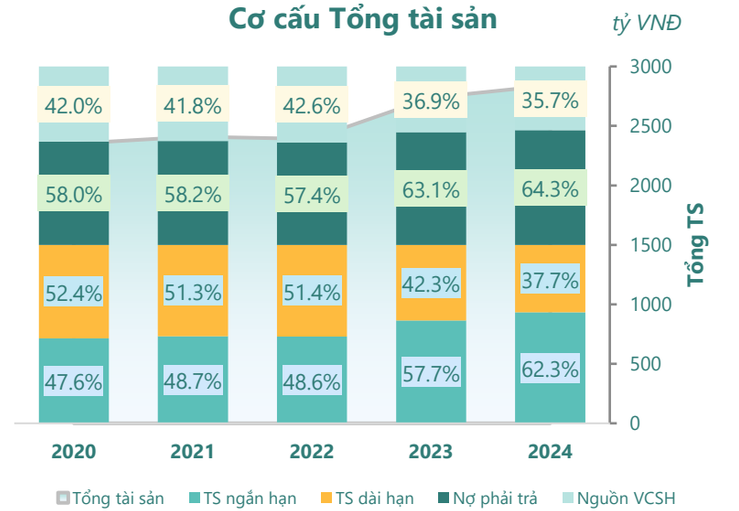
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

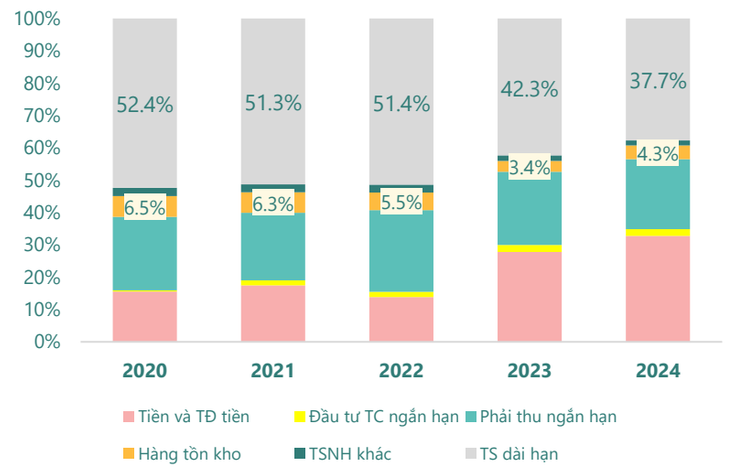
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



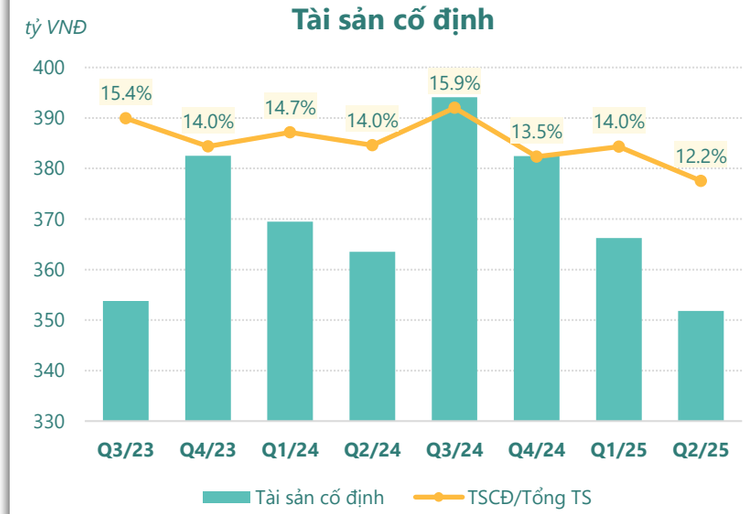
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



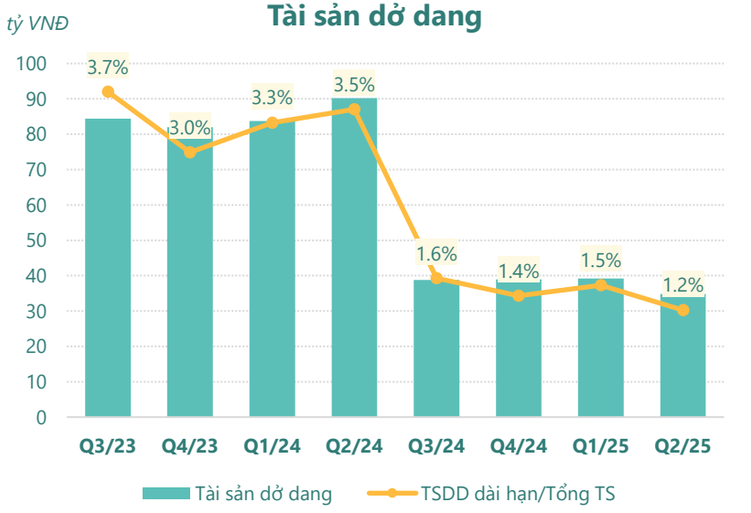
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



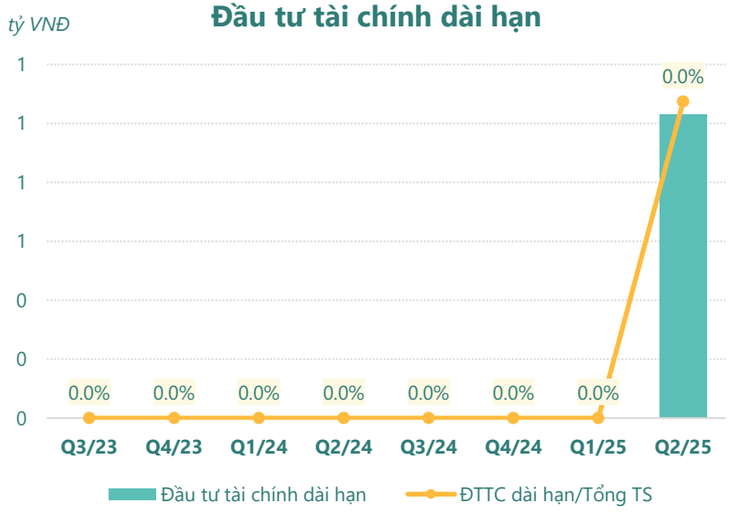
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



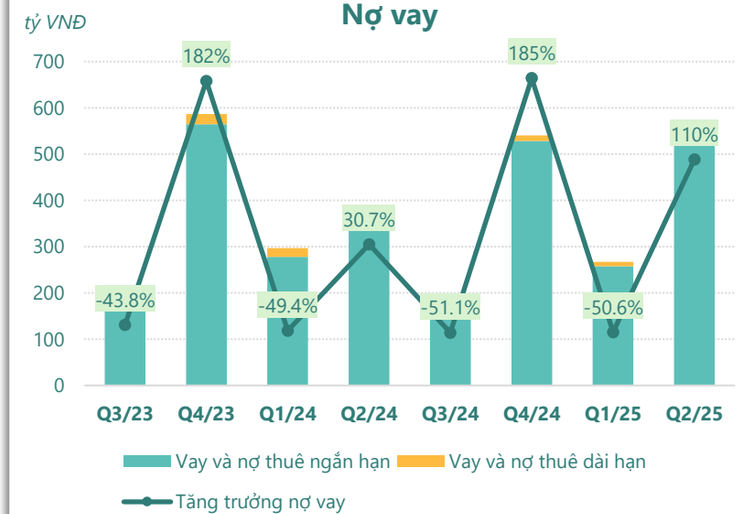
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

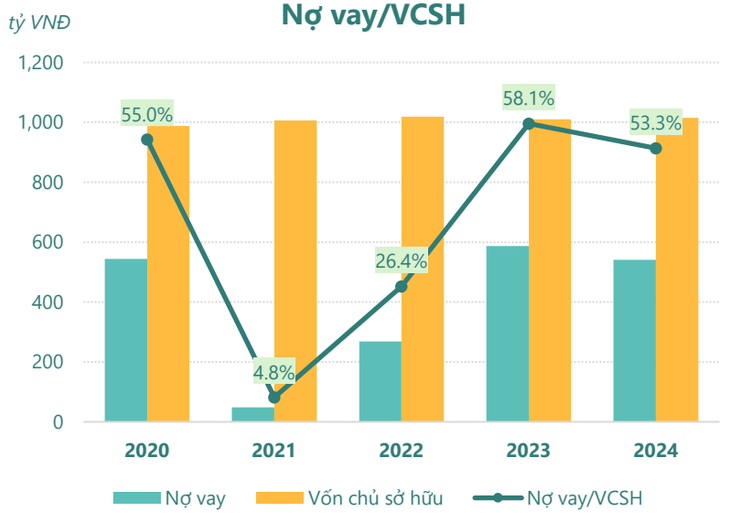
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

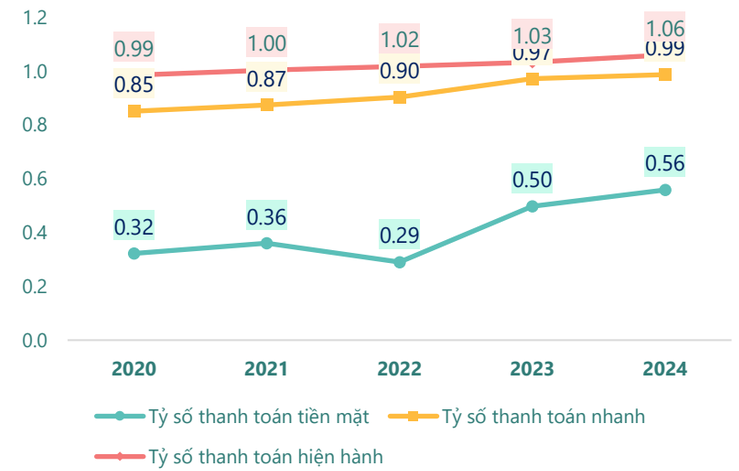
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



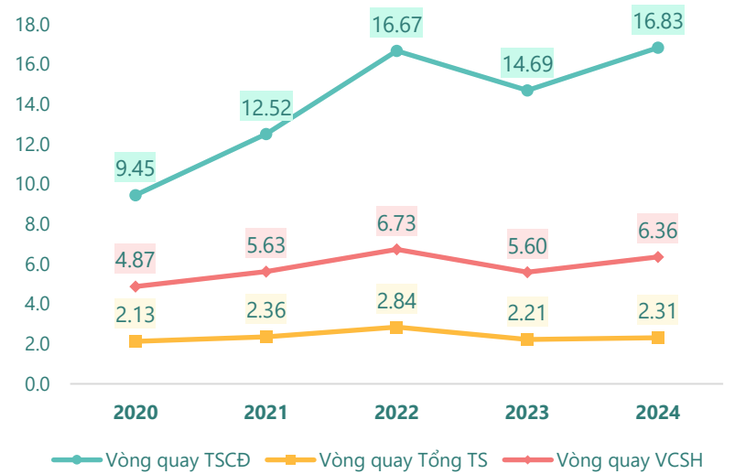
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



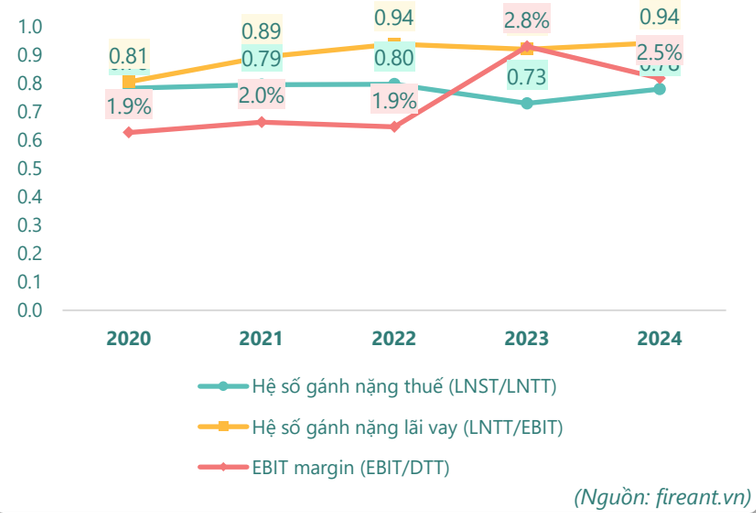
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



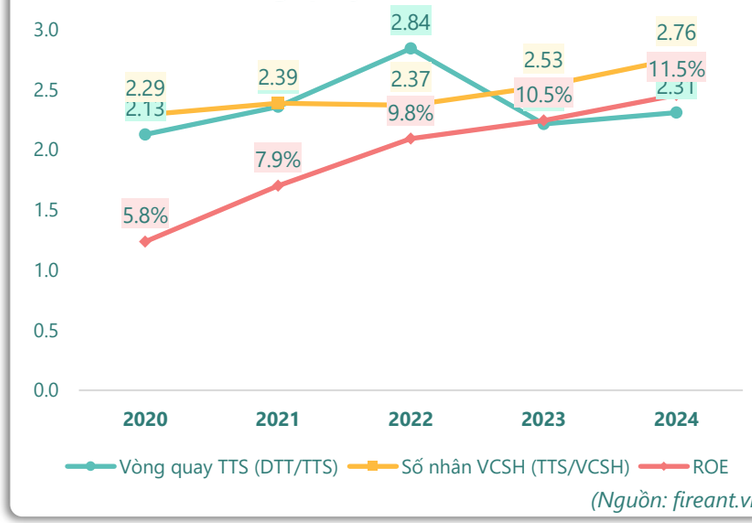
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



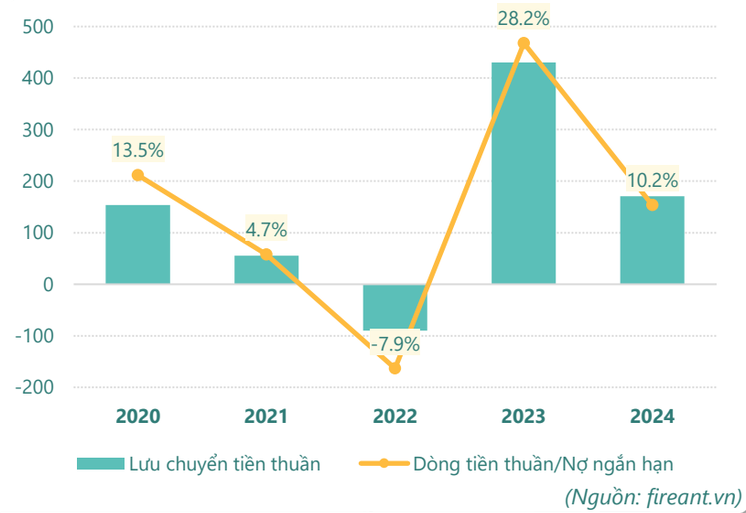
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,678**	**1,612**	**4.1%**	**3,235**	**3,087**	**4.8%**
Giá vốn hàng bán	1,444	1,381	4.5%	2,754	2,629	4.8%
Lợi nhuận gộp	234	231	1.4%	481	459	5.0%
Doanh thu HĐTC	6.28	2.41	160%	12.4	4.92	151%
Chi phí TC	4.19	1.72	143%	7.92	3.79	109%
Chi phí lãi vay	4.10	1.66	147%	7.80	3.73	109%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	169	163	3.9%	361	334	7.9%
Chi phí QLDN	**27.3**	**28.7**	**-5.0%**	**50.7**	**52.2**	**-2.9%**
LN thuần từ HĐKD	39.7	39.5	0.5%	74.6	73.3	1.8%
Lợi nhuận khác	**1.82**	**2.79**	**-34.9%**	**3.56**	**4.66**	**-23.7%**
LN trước thuế	41.5	42.3	-1.9%	78.2	77.9	0.3%
Lợi nhuận sau thuế	**35.3**	**33.6**	**5.1%**	**64.6**	**62.1**	**3.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**35.3**	**33.6**	**5.1%**	**64.6**	**62.1**	**3.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-31.7	138	155	68.9	-33.6	95.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-51.0	-65.0	103	-1.02	2.48	5.36
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-290	-7.92	-199	351	-273	193
Tiền đầu kỳ	761	389	455	513	932	627
Lưu chuyển tiền thuần	**-372**	**65.5**	**58.8**	**419**	**-305**	**294**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.04	0.04	0.01	0.00	0.04
Tiền cuối kỳ	389	455	513	932	627	921

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,877**	**2,841**	**1.3%**
Tài sản ngắn hạn	1,872	1,769	5.8%
Tiền và tương đương tiền	921	932	-1.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.0	58.5	-0.8%
Phải thu ngắn hạn	732	614	19.3%
Hàng tồn kho	119	122	-2.7%
Tài sản ngắn hạn khác	41.7	42.8	-2.4%
Tài sản dài hạn	**1,005**	**1,072**	**-6.2%**
Phải thu dài hạn	3.78	3.24	16.5%
Tài sản cố định	352	382	-8.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	34.8	39.0	-10.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.03	0	
Tài sản dài hạn khác	**614**	**647**	**-5.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,900	1,827	4.0%
Nợ ngắn hạn	**1,760**	**1,668**	**5.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	552	529	4.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	879	849	3.5%
Nợ dài hạn	140	158	-12.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.26	12.1	-40.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**978**	**1,015**	**-3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**978**	**1,015**	**-3.7%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)